

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC T
TỈNH AN GIANG

Số: 152/2026/QĐST-HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

A, ngày 03 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 262/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị M, sinh năm 1994. Địa chỉ: Số A, Võ Văn Ý, khu phố A - P, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Võ Tấn L, sinh năm 1993. Địa chỉ: Tổ G, khu phố D - B, phường H, tỉnh An Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trương Thị M với ông Võ Tấn L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có 02 con chung tên Võ Tấn Đ, giới tính nam, sinh ngày 18/9/2019, Võ Trâm A, giới tính nữ, sinh ngày 02/5/2023, hiện nay hai con chung đang sống cùng ông L. Khi ly hôn ông bà thống nhất giao cả

hai con chung cho ông Võ Tấn L tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ghi nhận sự tự nguyện của ông L không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bà M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bà Trương Thị M tự nguyện chịu hoàn toàn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 306976 ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang, nay bà M được nhận lại 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014/

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát ND KV T, tỉnh An Giang;
- UBND phường T, tỉnh An Giang.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(đã ký)

LÊ THỊ ĐIỂM